

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

- Bản án số: 30/2022/DS - ST
- Ngày: 10 - 5 - 2022
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* "

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Duy Khương;**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 39 U M 10, phường Rạch S, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. (Chị T có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Lương Hoàng K**, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Hòa P, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
(Anh K vắng mặt tại phiên tòa lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng T trình bày: Vào ngày 28/02/2021 anh Trần Lương Hoàng K có đến nhà chị hỏi mượn tiền để làm vốn mua đất, sau khi thỏa thuận xong thì chị đồng ý cho anh Kiệt mượn số tiền là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) trong thời gian 01 tháng sẽ trả lại cho chị số tiền này và hai bên có làm giấy mượn tiền và cam kết trả nợ đề ngày 28/02/2021. Tuy nhiên, đã hết thời gian thỏa thuận nhưng anh Kiệt không trả tiền cho chị như đã thỏa thuận và chị biết anh Kiệt có sở hữu đứng tên 01 phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 526079, thửa số 394, tờ bản đồ số 25, diện tích là 210,5m², tọa lạc tại ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Hòa P, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Hoàng T yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Lương Hoàng K trả lại cho chị số tiền gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn anh Trần Lương Hoàng K: Đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Kiệt đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh K vắng mặt lần 2 không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng pháp luật, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Do phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ vay tài sản nên chị T khởi kiện anh Kiệt tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/10/2021, anh Kiệt có hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Hòa P, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bị đơn anh Kiệt vắng mặt phiên tòa lần 2 không lý do và nguyên đơn cũng thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa, chị Tươi vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Kiệt phải thanh toán cho chị số tiền là 220.000.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử chị Tươi đã cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền và cam kết trả nợ đề ngày 28/02/2021 có chữ ký và viết họ tên của người mượn tiền “Trần Lương Hoàng Kiệt”. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh

Kiệt nhưng anh Kiệt không có văn bản ý kiến. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa chị Tươi xác định khoản tiền mà anh K còn nợ chị đây là nợ cá nhân anh Kiệt nên cần buộc anh K có trách nhiệm phải trả cho chị T số tiền trên là phù hợp.

Về lãi suất: Chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Tươi; buộc anh Trần Lương Hoàng K có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Hoàng T số tiền gốc là 220.000.000 đồng.

Về cách thức anh K thanh toán tiền nợ vay nêu trên cho chị T như thế nào thì thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà anh Kiệt phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Chị Tươi được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Trần Lương Hoàng K.

1. Buộc bị đơn anh Trần Lương Hoàng K có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Hoàng T số tiền vay gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), chị T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh K còn phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Lương Hoàng K phải chịu án phí là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Chị Tươi được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000827 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Danh Pì Sách

